

Số: 355/QĐ-THCSLHP

Hà Đông, ngày 02 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công khai trong nhà trường
Năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 07 năm 2015 của Chính Phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Điều lệ Trường THCS, trường THPT và trường THPT nhiều cấp học được ban hành tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông Tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2025-2026 của Trường THCS Lê Hồng Phong;
Theo đề nghị của Ban giám hiệu trường THCS Lê Hồng Phong.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Quy chế công khai của trường THCS Lê Hồng Phong.

Điều 2. Quy chế này được áp dụng cho các hoạt động công khai của nhà trường theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. CBGVNV trường THCS Lê Hồng Phong có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Minh Phương



QUY CHẾ

THỰC HIỆN CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 355/QĐ-THCSLHP ngày 02 tháng 10 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường THCS Lê Hồng Phong)

Chương I

QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về thực hiện công khai của Trường THCS Lê Hồng Phong theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các CB-GV-CNV và các bậc phụ huynh Trường THCS Lê Hồng Phong chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 02/10/2025.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của Trường THCS Lê Hồng Phong về chất lượng giáo dục, công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu chi tài chính để phụ huynh, CB-GV-CNV của trường tham gia giám sát và đánh giá trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại Trường THCS Lê Hồng Phong trong Quy chế này phải đảm bảo chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

b) Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (theo Biểu mẫu 10).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định nhà trường: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường:

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Đối với các cơ sở giáo dục công lập: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập: công khai tình hình hoạt động tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao môi trường. Công khai mức thu học phí, các khoản thu khác theo từng năm, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở giáo dục, các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

b) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước

ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

d) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước

đ) Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

e) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

a) Hình thức:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường;
- Niêm yết công khai tại phòng họp HĐGD và bản thông tin của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp CMHS.

b) Thời điểm công khai:

Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Niêm yết công khai tại nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2024-2025 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2025-2026 lên Phòng GD&ĐT Hoài Đức trước 30/9 hàng năm.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, các tổ chuyên môn và nhân viên trong nhà trường

- Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ như đã được phân công trong Quyết định số 351/QĐ-THCSLHP ngày 20/10/2025 của Hiệu trưởng Trường THCS Lê Hồng Phong.

- Các tổ chuyên môn và toàn thể CB - GV - CNV trong nhà trường có trách nhiệm thực hiện tốt Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị Ban chỉ đạo xem xét sửa đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thi hành khi có quyết định thay thế./.

UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG

TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

TỔNG HỢP ĐĂNG KÍ RÈN LUYỆN + HỌC TẬP

Năm học: 2025 - 2026

Lớp		Ren luyện										Học tập						Ghi chú
		TRƯỜNG HỒ CHÍ MINH		Khá		Đạt		CB		Tốt		Khá		Đạt		CB		
		Số học sinh	Tỷ lệ %	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
9A1	44	90.91	4	9.09	0	0.00	0	0.00	15	34.09	15	34.09	14	31.82	0	0.00		
9A2	44	86.36	6	13.64	0	0.00	0	0.00	14	31.82	16	36.36	14	31.82	0	0.00		
9A3	43	90.70	4	9.30	0	0.00	0	0.00	12	27.91	22	51.16	9	20.93	0	0.00		
9A4	49	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	42	85.71	7	14.29	0	0.00	0	0.00		
9A5	41	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	30	73.17	10	24.39	1	2.44	0	0.00		
9A6	44	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	30	68.18	12	27.27	2	4.55	0	0.00		
9A7	46	93.48	3	6.52	0	0.00	0	0.00	26	56.52	16	34.78	4	8.70	0	0.00		
Khối 9	311	294	17	5.47	0	0.00	0	0.00	169	54.34	98	31.51	44	14.15	0	0.00		
8A1	46	87.00	6	13.00	0	0.00	0	0.00	18	39.13	18	39.13	10	21.74	0	0.00		
8A2	48	79.17	7	14.58	3	6.25	0	0.00	10	20.83	16	33.33	19	39.58	3	6.25		
8A3	45	71.11	10	22.22	3	6.67	0	0.00	10	22.22	17	37.78	15	33.33	3	6.67		
8A4	42	76.19	7	16.67	3	7.14	0	0.00	9	21.43	15	35.71	15	35.71	3	7.14		
8A5	43	90.70	4	9.30	0	0.00	0	0.00	15	34.88	18	41.86	10	23.26	0	0.00		
8A6	47	95.74	2	4.26	0	0.00	0	0.00	28	59.57	16	34.04	3	6.38	0	0.00		
8A7	47	93.62	3	6.38	0	0.00	0	0.00	26	55.32	17	36.17	4	8.51	0	0.00		
8A8	46	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	40	86.96	6	13.04	0	0.00	0	0.00		
Khối 8	364	316	39	10.71	9	2.47	0	0.00	156	42.86	123	33.79	76	20.88	9	2.47		
7A1	41	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	38	92.68	3	7.32	0	0.00	0	0.00		
7A2	43	93.02	3	6.98	0	0.00	0	0.00	25	58.14	15	34.88	3	6.98	0	0.00		
7A3	44	95.45	2	4.55	0	0.00	0	0.00	25	56.82	17	38.64	2	4.55	0	0.00		
7A4	37	89.19	4	10.81	0	0.00	0	0.00	11	29.73	14	37.84	12	32.43	0	0.00		
7A5	39	89.74	3	7.69	1	0.03	0	0.00	12	30.77	14	35.90	13	33.33	0	0.00		
7A6	36	80.56	7	19.44	0	0.00	0	0.00	5	1.39	11	30.56	17	47.22	3	8.33		
Khối 7	240	220	19	7.92	1	0.00	0	0.00	116	48.33	74	30.83	47	19.58	3	1.25		
6A1	49	91.84	4	8.16	0	0.00	0	0.00	30	61.22	15	30.61	4	8.16	0	0.00		
6A2	48	91.67	4	8.33	0	0.00	0	0.00	25	52.08	15	31.25	8	16.67	0	0.00		
6A3	43	79.07	9	20.93	0	0.00	0	0.00	15	34.88	18	41.86	10	23.26	0	0.00		
6A4	45	88.89	5	11.11	0	0.00	0	0.00	10	22.22	20	44.44	14	31.11	1	2.22		
6A5	45	77.78	8	17.78	2	4.44	0	0.00	8	17.78	12	26.67	21	46.67	4	8.89		
6A6	46	80.43	7	15.22	2	4.35	0	0.00	8	17.39	19	41.30	16	34.78	3	6.52		
6A7	49	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	35	71.43	14	28.57	0	0.00	0	0.00		
Khối 6	325	284	37	11.38	4	1.23	0	0.00	131	40.31	113	34.77	73	22.46	8	2.46		
Toàn trường	1240	1114	112	9.03	14	1.13	0	0.00	572	46.13	408	32.90	240	19.35	20	1.61		

Phụ lục 1: Bảng thống kê tình hình học sinh năm học 2025-2026.

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH

NĂM HỌC: 2025 - 2026

STT	KHỐI	TỔNG SỐ	NỮ
1	6	325	159
2	7	240	124
3	8	365	164
4	9	310	141
TỔNG CỘNG		1240	588

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM CÁC KHỐI LỚP

TT	LỚP	TS HỌC SINH	GVCN	Nữ
1	6A1	49	Nguyễn Thị Dịu	28
2	6A2	48	Triệu Thị Hương	21
3	6A3	44	Phan Hồng Diệu	22
4	6A4	43	Phạm Thị Thúy Nga	18
5	6A5	45	Đỗ Thị Tú Hương	20
6	6A6	47	Đào Thiên Trang	20
7	6 A7	49	Nguyễn Thị Vân Ngân	30
8	7A1	41	Bùi Thị Thu Hằng	23
9	7A2	43	Đỗ Thị Kim Hoa	27
10	7A3	44	Tô Thị Thu Hà	22
11	7A4	37	Tạ Thị Thuỳ Linh	17
12	7A5	39	Lê Ngọc Anh	18
13	7A6	36	Phạm Thị Thanh	17
14	8A1	46	Phạm Thị Thủy	22
15	8A2	48	Lê Thị Hương	19
16	8A3	45	Lê Thị Ngọc Lan	17
17	8A4	43	Nguyễn Thị Hải Yến	19
18	8A5	43	Hoàng Thị Miên	20
19	8A6	47	Vũ Thị Minh Tâm ng	20
20	8A7	47	Phùng Thị Phụng	22
21	8A8	46	Nguyễn Thị Thanh Hương	25
22	9A1	44	Phan Thị Lệ Hằng	17
23	9A2	44	Phạm Thị Hảo Nga	19
24	9A3	43	Phùng Thị Hồng Hạnh	18
25	9A4	49	Chu Thị Ninh	26
26	9A5	40	Nguyễn Thị Thu	22
27	9A6	44	Phạm Thị Thu Giang	20
28	9A7	46	Lê ThịThúy Vân	19

TỔNG HỢP DANH SÁCH DÂN TỘC - KHUYẾT TẬT

TT	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Diệp Anh	9A2	Khuyết tật
2	Nguyễn Gia Mạnh Huy	9A4	Khuyết tật
3	Lưu Đình Tài	9A6	Khuyết tật
4	Nguyễn Trung Toàn	7A4	Khuyết tật
5	Nguyễn Văn Đạt	7A5	Khuyết tật
6	Phạm Anh Thư	7A6	Khuyết tật
7	Lê Khắc Đồng Giang	7A6	Khuyết tật
8	Phạm Ngô Nhật Minh	7A6	Khuyết tật
9	Phạm Anh Thư	6A6	Khuyết tật
10	Nguyễn Minh Ngọc	7A3	Dân tộc Mường
11	Bùi Đình Thắng	7A3	Dân tộc Mường
12	Quách Ngọc Ngân	8A2	Dân tộc Mường
13	Bùi Quỳnh Chi	8A4	Dân tộc Mường
14	Nguyễn Văn Thành	9A2	Dân tộc Sán Dìu
15	Bùi Gia Linh	9A6	Dân tộc Mường
16	Lò Quý Nam	6A3	Dân tộc Thái
17	Nguyễn Ngọc Linh San	6A3	Dân tộc Thổ
18	Trừ Châu Anh	6A5	Dân tộc Sán Dìu

Phụ lục 2: Bảng thống kê VC, NLĐ năm học 2025-2026

			Tổng số	Trong tổng số					Ghi chú	
Chức danh				Nữ	Đ.viên	ThS	ĐH	CĐ		T.Cấp
Cán bộ, giáo viên, NV			65	59	29	3	58	1	0	HD6
	Nhân viên		9	7	0	0	5	1	3	4HD
	CHIA RA	Kế toán	1	1			1			
		Văn thư	1				1			
		Th.bị, YT	2	2			2			
		Thư viện	1	1			1			
		BV, PV	4	3				1	3	4HD

Phụ lục 3: Cơ sở vật chấtDiện tích: 2065m² ; bình quân diện tích 40m²/học sinh

STT	Tên công trình	Năm xây dựng	Quy mô	Số phòng hiện có	Nhu cầu mức 2	Đề xuất
1	Khối phòng học:					
	- Phòng học học tập	2001	KC	18		- 01 Âm nhạc - 01 Ngoại ngữ - 01 Mĩ thuật - 01 Đa chức năng - 02 tổ KHTN, KHXH
	- Phòng học bộ môn	2012	KC	4		
2	Khối phòng hỗ trợ học tập:					
2.1	- Thư viện	2012	KC	1		
2.2	- Phòng truyền thống	2012	KC	1		
2.3	- Phòng hoạt động Đoàn, Đội	2012	KC	1	1	
2.4	- Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập	0	0	0	1	
2.5	- Phòng đồ dùng chuẩn bị giảng dạy	2012	KC	03		
3	Khối phòng hành chính quản trị:					
3.1	- Phòng hiệu trưởng	2012	KC	1		
3.2	- Phòng Phó hiệu trưởng	2012	KC	1		
3.3	- Văn phòng	2012	KC	1		
3.4	- Phòng Hội đồng giáo viên	2012	KC	1	1	
3.5	- Phòng sinh hoạt Tổ chuyên môn			0	2	
3.6	- Phòng hoạt động Công đoàn, Đảng	0	0	0	1	
3.7	- Phòng nghỉ giáo viên			0	2	
3.8	- Phòng y tế học đường	2011	KC	1		
3.9	- Kho	0	0	0	1	
3.10	- Phòng thường trực, bảo vệ	0	0	0	1	
4	Khu sân chơi, bãi tập:					
	(Diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường)	8065m ²			1	- 01 nhà đa năng rộng 450m ² /nhà
5	Khu vệ sinh:					
	+ Khu vệ sinh học sinh	2012	KC	3		
	+ Khu vệ sinh giáo viên	2012	KC	2		
6	Khu để xe:					
	+ Nhà để xe học sinh	0		0	1	
	+ Nhà để xe giáo viên	2012	Cấp 4	1		

7	Khối phục vụ sinh hoạt:					
	- Phòng ngủ cho học sinh	2012	KC	03		
	- Bếp nấu	2012	KC	01		
	- Kho	0	0	0		

Tổng nhu cầu phòng học và làm việc: 28 phòng, 01 nhà đa năng.

Phụ lục 04: Chỉ tiêu phần đầu

Khối	Sĩ số	Rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		CĐ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
9	311	294	94.53	17	5.47	0	0	0	0.0
8	364	316	86.81	39	10.71	9	2.47	0	0.0
7	240	220	91.67	19	7.92	1	0.41	0	0.0
6	325	284	87.38	37	11.38	4	1.23	0	0.0
Toàn trường	1240	1114	89.84	112	9.03	14	1.13	0	0.0

Khối	Sĩ số	Học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		CĐ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
9	311	169	54.34	98	31.51	44	14.15	0	0.0
8	364	156	42.86	123	33.79	76	20.88	9	2.47
7	240	116	48.33	74	30.83	47	19.58	3	1.25
6	325	131	40.31	113	34.77	73	22.46	8	2.46
Toàn trường	1240	572	46.13	408	32.9	240	19.35	20	1.62

Phụ lục 05:

Đợt/Thi đua	Tháng / Chủ điểm	Nội dung công việc
Đợt 1 <i>(từ 05/9 đến 15/10/2025)</i>	Tháng 9 Chào năm học mới	- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của Thủ đô, đất nước như Quốc khánh 2/9, khai giảng năm học mới. - Phát động chủ đề năm học gắn với khai giảng năm học mới 2025 - 2026. - Thảo luận việc thực hiện nội quy trường, lớp.

		Kí cam kết thực hiện. - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 ngày 15/9: Giao tiếp ứng xử trên không gian mạng. - Tổ chức đại hội chi đội mẫu (ngày 15/9), đại hội chi đội đại trà (ngày 22/9). Đại hội liên đội ngày 29/9 - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 ngày 29/9: Phòng chống tác hại của thuốc lá điện tử. - Tiếp tục duy trì, thực hiện tốt nề nếp, nội quy của HS. - Tổ chức quyên góp ủng hộ theo sự chỉ đạo của cấp trên. - Tập huấn hướng dẫn đội ngũ sao đỏ, xung kích kiểm tra nề nếp các lớp, viết sổ sao đỏ, sổ xung kích. - Các lớp vệ sinh trường, lớp .
	Tháng 10 Chăm ngoan học giỏi	- Tăng cường kiểm tra, ổn định nề nếp của liên đội - Phối hợp với PHHS ngăn chặn và phòng ngừa hiện tượng HS hút, mua bán, tàng trữ thuốc lá điện tử. - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 (6/10): Tổ chức hoạt động đón tết trung thu. Trao quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 (13/10): Giới thiệu sách + Hưởng ứng tuần lễ học tập suốt đời. Triển khai kế hoạch nhỏ đợt 1. - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 ngày 20/10: Phát động phong trào “Đôi bạn cùng tiến”, bạn giúp bạn”

		. Thảo luận về việc giữ gìn vệ sinh chung từ: Gia đình - Nhà trường - Xã hội. Tổ chức các hoạt động kỉ niệm ngày phụ nữ Việt Nam 20/10. Tổ chức cho HS tham gia hoạt động ngoại khóa. - Tập huấn hướng dẫn Chi đội trưởng các Chi đội ghi chép sổ sách Đội. BCH Liên đội hoàn thiện sổ liệu sổ Liên đội và sổ TPT. - Phát động phong trào thi đua “ Chi đội ba tốt” “Liên đội ba tốt” - Tiếp tục duy trì, thực hiện tốt nội quy của học sinh. - Triển khai phong trào mua tấm ủng hộ đợt 1, Kế hoạch nhỏ đợt 1. - Hưởng ứng ngày pháp luật Việt Nam, tuyên truyền Luật trẻ em.
Đợt 2 (từ 16/10 đến 20/11/2025)	Tháng 11 Biết ơn thầy cô giáo	- Sơ kết thi đua đợt 1, phát động đợt thi đua đợt 2 - Tuyên truyền, thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của Thủ đô, đất nước. - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 ngày 25/10: Tổ chức diễn đàn “<i>Trẻ em với vấn đề phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em</i>”, “<i>Xây dựng nét đẹp văn hóa ứng xử trong nhà trường</i>”. - BCH Liên đội kiểm tra nề nếp các lớp theo kế hoạch. - Phát động thi đua lập thành tích chào mừng 20/11.

		- Tiếp tục duy trì, thực hiện tốt nội quy của học sinh. - Duy trì tốt nếp thể dục giữa giờ và múa hát tập thể. - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 ngày 3/11: Tuyên truyền hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam 9/11. - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 ngày 17/11: Tổ chức đồng loạt chùm hoạt động giáo dục truyền thống “<i>Tôn sư, trọng đạo</i>” và giao lưu, tri ân các thầy cô giáo, các hoạt động văn hóa thể thao (Hội thi nét đẹp thầy trò hình thức văn nghệ, tập san).
Đợt 3 (từ 21/11 đến đến hết học kì I)	Tháng 12 Tiếp bước cha anh	- Phát động đợt thi đua thứ 3. - Tuyên truyền, thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của Thủ đô, đất nước. - BCH Liên đội kiểm tra nề nếp các lớp theo kế hoạch. - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 ngày 1/12: Tuyên truyền về mất học đường do BV mắt thực hiện Tổ chức lễ trưởng thành Đội cho HS khối 9. - Sinh hoạt dưới cờ thứ 2 ngày 22/12 : Chào mừng ngày 22/12, nói chuyện truyền thống. Thắp nến tri ân, dâng hương, đặt hoa tại đài tưởng niệm liệt sĩ Cầu Đơ. - Thực hiện CĐ cùng nhau trao đổi phương pháp học tập. - Sơ kết học kì I năm học 2025 - 2026.
	Tháng 1 Mừng Đảng Mừng	- Phát động đợt thi đua thứ 4. - BCH Liên đội kiểm tra nề nếp các lớp theo kế hoạch.

Đợt 4 <i>(từ đầu học kỳ II đến 26/3/2026)</i>	Xuân	- Phát động thi đua: “Mừng Đảng, mừng xuân” và hưởng ứng phong trào “Tết trồng cây” - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của Thủ đô, đất nước. - Triển khai chương trình “Thiếu nhi Thủ đô, thanh lịch văn minh”. - Thực hiện chuyên đề : An toàn thực phẩm trong đời sống. - Triển khai chương trình “Rèn luyện đội viên”. - Tiếp tục duy trì, thực hiện tốt nội quy của học sinh.
	Tháng 2 Cùng tiến bước lên Đoàn	- BCH Liên đội kiểm tra nề nếp các lớp theo kế hoạch - Tiếp tục phát động thi đua “Mừng Đảng, mừng xuân” - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của Thủ đô, đất nước. - Tiếp tục duy trì, thực hiện tốt nội quy của học sinh. - Sinh hoạt dưới cờ ngày 2/2: Tổ chức chương trình chào mừng kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2026), Tổ chức tuyên truyền “<i>Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi trên không gian mạng, giai đoạn 2022 - 2030</i>” - Sinh hoạt dưới cờ ngày 9/2: Trang trí gian hàng tết. Chấm gian hàng tết + Trao quà tết.

		- Tuyên truyền tới HS không đốt pháo, sử dụng pháo nổ trong dịp tết Nguyên đán. - Phát động ủng hộ “Tết âm yêu thương” gây quỹ trao quà tết cho các em HS có hoàn cảnh khó khăn.
	Tháng 3 Cùng tiến bước lên Đoàn	- Phát động thi đua chào mừng 8/3 và 26/3. - BCH Liên đội kiểm tra nề nếp các lớp theo kế hoạch - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của Thủ đô, đất nước. - Tiếp tục duy trì, thực hiện tốt nội quy của học sinh. - Tổ chức tuyên truyền kỷ niệm ngày 8/3, kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 – 26/3/2026). - Tổ chức thi cắm hoa về chủ đề “Người phụ nữ Việt Nam”. - Giới thiệu Đội viên ưu tú tham gia lớp bồi dưỡng nhận thức về Đoàn. - Tổ chức chương trình “Ngày hội Thiếu nhi vui khỏe – Tiến bước lên Đoàn” tháng 3 năm 2026. - Mua sắm ủng hộ đợt 2.
	Tháng 4 Chủ điểm “Hòa bình hữu nghị”	- Phát động đợt thi đua thứ 5. - BCH Liên đội kiểm tra nề nếp các lớp theo kế hoạch. - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của Thủ đô, đất nước. - Tiếp tục duy trì, thực hiện tốt nội quy của học sinh.

Đợt 5 (từ 27/3 đến 31/5/2026)		- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026). - Tổ chức mô hình “Thiếu nhi Thủ đô – Thanh lịch văn minh”. Thực hiện chuyên đề: GD sức khỏe tuổi vị thành niên cho HS khối 7. - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày sách Việt Nam, giới thiệu sách.
	Tháng 5 Mừng sinh nhật Bác - Tự hào truyền thống Đội	- Sơ kết thi đua đợt 5, họp BCH Liên đội bình xét thi đua cuối năm, xếp loại thi đua các Chi đội cuối năm. - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của Thủ đô, đất nước. - Tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước. - Tiếp tục duy trì, thực hiện tốt nội quy của học sinh. - Thi Rung chuông vàng - Tổ chức cho học sinh lớp 9 đi dâng hương ở QTG - Tổ chức "Ngày hội công nhận hoàn thành Chương trình Rèn luyện đội viên" gắn với tuyên dương Châu ngoan Bác Hồ. - Tổ chức Chương trình kỷ niệm 85 năm Ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh (15/5/1941 - 15/5/2026). - Lễ tổng kết năm học - Chia tay hs lớp 9

		- Hoàn thiện sổ sách, hồ sơ thi đua của Liên đội nộp về Quận Đoàn. - Tổ chức lễ tổng kết năm học, chia tay HS lớp 9 và bàn giao học sinh về địa phương.
	Tháng 6 Hè vui, khỏe, bổ ích	Học sinh hoạt động và sinh hoạt tại địa phương
	Tháng 7 Hè vui, khỏe, bổ ích	Học sinh hoạt động và sinh hoạt tại địa phương
	Tháng 8 Hè vui, khỏe, bổ ích	Học sinh hoạt động và sinh hoạt tại địa phương

Phụ lục 06: Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục cấp trung học cơ sở

Nội dung giáo dục	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Ghi chú
Môn học bắt buộc					
Ngữ văn	140	140	140	140	
Toán	140	140	140	140	
Ngoại ngữ 1	105	105	105	105	
Giáo dục công dân	35	35	35	35	
Lịch sử và địa lí	105	105	105	105	
Khoa học tự nhiên	140	140	140	140	
Công nghệ	35	35	52	52	
Tin học	35	35	35	35	
Giáo dục thể chất	70	70	70	70	
Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	70	70	70	
Hoạt động giáo dục bắt buộc					
Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	105	105	105	105	
Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35	35	
Tổng số tiết học/năm học	1015	1015	1032	1032	
Số tiết học trung bình/tuần	29	29	29.5	29.5	

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học	Thời lượng kiểm tra	Ghi chú
Ngữ văn		140	90 phút	
Toán		140	60 phút	
Tiếng Anh		105	60 phút	
Giáo dục công dân		35	45 phút	
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	105	90 phút	
	Địa lý			
Khoa học tự nhiên	Hóa	140	90 phút	
	Lý			
	Sinh			
	Tổng hợp KHTN			
Công nghệ				
Khối 6		35	45 phút	
Khối 7		35	45 phút	
Khối 8		52	45 phút	
Khối 9		52	45 phút	
Tin học		35	45 phút	
Giáo dục thể chất		70	45 phút	
Nghệ thuật	Âm nhạc	35	45 phút	
	Mĩ thuật	35	45 phút	
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	SHDC + SHL	70	45 phút	
	CĐ	35		
Giáo dục địa phương		35	45 phút	

BẢNG ĐỊNH BIÊN TIẾT DẠY LỚP 8- NĂM HỌC 2025-2026

HỌC KỲ 1

[illegible]

